TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HSST
Ngày 11/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Kế An – Hiệu trưởng Trường THCS Thạnh Lộc;

2. Ông Dương Trần Trọng Quang – Trưởng ban Tuyên giáo xã Hội Xuân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Nhớ - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 09 và 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Ng Ch T, tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 02/9/2002. Nơi sinh: xã TL, huyện CL, tỉnh TG; Nơi cư trú: ấp 6, xã TL, huyện CL, tỉnh TG; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: lớp 6/12;

* Quan hệ gia đình: Cha Ng V Th, sinh năm 1975; Mẹ H Th Ph, sinh năm: 1971; Cả hai ngụ cùng địa chỉ với bị cáo, nghề nghiệp: làm ruộng; Anh, chị, em ruột có ba người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con và chưa có hoạt động gì về chính trị - xã hội; Tiền án, tiền sự: không;

* Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt)

2. Họ và tên: B V Th, tên gọi khác: Th nhỏ; giới tính: nam; sinh ngày 19/9/1998. Nơi sinh: xã TL, huyện CL, tỉnh TG; Nơi cư trú: ấp 6, xã TL, huyện CL, tỉnh TG; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: lớp 6/12;

* Quan hệ gia đình: Cha B V Ư, sinh năm 1954; Mẹ Đ Th Nh, sinh năm: 1958; Cả hai ngụ cùng địa chỉ với bị cáo, nghề nghiệp: làm thuê; Anh, chị, em ruột có ba người, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con và chưa có hoạt động gì về chính trị - xã hội; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lậy.

Người bị hại: Anh H Th S, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp 5B, xã PC, huyện CL, tỉnh TG (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ng V Ph, sinh ngày 12/5/2003. Người đại diện theo pháp luật là chị B Th O, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã TL, huyện CL, tỉnh TG (vắng mặt).

2. Ng V Đ, sinh ngày 25/11/2004. Người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Thương, sinh năm 1940. Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã MTN, huyện CL, tỉnh TG (có mặt).

3. Chị L Th L Th, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp 5B, xã PC, huyện CL, tỉnh TG (có mặt).

4. Bà Ph Th Đ, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp M, xã LT, huyện CL, tỉnh TG (vắng mặt có đơn).

* Vật chứng cần đem ra xem xét tại phiên tòa: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 06/11/2018, Ng V Ph, sinh ngày 12/5/2003, ngụ ấp 4, xã TL, huyện CL, tỉnh TG rủ Ng Ch T về nhà nội của Ph là ông Ng V B, sinh năm 1959, ở ấp 4, xã TL, huyện CL, tỉnh TG. Khi về đến sân, T phát hiện chiếc xe mô tô hiệu citicub loại dream màu nâu biển số 63B2-004.89 của anh H Th S, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp 5B, xã PC, huyện CL, tỉnh TG đang đậu, trên xe có cắm sẵn chìa khóa, không người trong giữ nên Ph rũ T trộm cắp chiếc xe đem bán lấy tiền

tiêu xài, T đồng ý nên Ph kêu T ra ngoài đứng ngoài cảnh giới cho Ph lấy trộm chiếc xe mô tô. Sau khi trộm được, Ph điều khiển xe mô tô biển số 63B2-004.89 chở T đến nhà của B V Th, sinh ngày 19/9/1998, ở ấp 6, xã TL, huyện CL, tỉnh TG, nhờ Th đem xe đi cầm, khi đến Th hỏi T xe đâu mà có, T trả lời vừa lấy trộm được, nên Th kêu chạy ra nhà của Ng V Đ, sinh ngày 25/11/2004, ở ấp 7, xã MTN, huyện CL, rồi Th ra sau. Khi Ph, T ra đến nhà của Ng V Đ, Đ hỏi xe đâu mà có T, Ph trả lời xe do trộm cắp mà có, kêu Đ đem xe đi cầm dùm, nhưng Đ không biết chỗ cầm, nên Ph gọi điện thoại cho Th, kêu Th ra. Tại nhà của Đ, sau khi Th kiểm tra xe có đầy đủ giấy tờ thì Th gọi điện thoại cho Ng V Th, sinh năm 1990, tạm trú ở ấp M, xã LT, huyện CL để cầm, Ng V Th đồng ý. Cả bốn điều khiển xe mô tô biển số 63B2-004.89 đến nhà của Ng V Th cầm xe cho Th được số tiền là 1.000.000 đồng và sử dụng số tiền có được mua ma túy của Ng V Th để T, Ph, Đ và B V Th sử dụng trái phép chất ma túy. Qua ngày hôm sau, Ph đi ra nhà của Ng V Th hỏi cầm thêm 1.000.000 đồng (số tiền này Ph đã tiêu xài cá nhân hết). Sau khi nhận cầm xe thì Ng V Th đem xe bán lại cho chị Ph Th Đ, sinh năm 1964, nơi cư trú Ấp M, xã LT, huyện CL, tỉnh TG với giá 3.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy Ng Ch T và B V Th đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Vật chứng thu giữ gồm: Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Citicub, màu nâu biển số 63B2-004.89, một giấy đăng ký xe mô tô biển số 63B2-004.89; 01 cái điện thoại di động hiệu Itel it2120 màu đỏ đen, số Imei1: 355057093365808, số Imei2: 355057093365816; 01 cái điện thoại di động hiệu Lv mobire LV7 màu đỏ đen, số Imei: 842016007068974.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 47 ngày 13/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cai Lậy xác định: một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Citicub màu nâu, số khung H6MN9H009086, số máy: FMHV 00309086, biển số 63B2-004.89, trị giá là 4.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản Kết luận giám định nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSHCL ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Ng Ch T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo B V Th về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, 90, 91; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 09 đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56; khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Th từ 09 đến 12 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt với bản án 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 07/2019/HSST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Về tang vật:

Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả cho bị hại H Th S chiếc xe mô tô nhãn hiệu Citicub, số khung H6MN9H009086, số máy: FMHV 00309086 màu nâu biển số 63B2-004.89, cùng một giấy đăng ký xe mô tô biển số 63B2-004.89,

Đề nghị tịch thu xung công quỹ nhà nước 01cái điện thoại di động hiệu Itel it2120 màu đỏ đen, số Imei1: 355057093365808, số Imei2: 355057093365816; 01 cái điện thoại di động hiệu Lv mobire LV7 màu đỏ đen, số Imei: 842016007068974 do là công cụ phương tiện phạm tội trong vụ án.

Đối với giấy phép lái xe mang tên H Th S và giấy bảo hiểm xe mô tô biển số 63B2-004.89, khi B V Th giao cho Ng V Th trong việc cầm xe, nhưng hiện nay Ng V Th đã bỏ địa phương đi không xác định được địa điểm nên chưa làm việc để thu hồi được.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ph Th Đ có hành vi nhận cầm chiếc xe mô tô biển số 63B2-004.89 của Ng V Th với số tiền 3.000.000 đồng nhưng chưa có yêu cầu Ng V Th bồi thường số tiền 3.000.000 đồng nên không xem xét.

Đối với Ng V Ph, sinh ngày 12/5/2003 là đồng phạm với Ng Ch T trong vụ trộm cắp xe mô tô biển số 63B2-004.89, nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Ph chưa đủ 16 tuổi để chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự, do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Ng V Đ, sinh ngày 25/11/2004 có hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Đ chưa đủ 16 tuổi để chịu trách nhiệm hình sự, do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Ph Th Đ có hành vi cầm chiếc xe mô tô biển số 63B2-004.89 do Ph và T phạm tội mà có, nhưng Đ không biết, nên không có căn cứ xử lý Đ về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Ng V Th có hành vi cầm chiếc xe mô tô biển số 63B2-004.89 do Ph và T phạm tội mà có, nhưng Th trình bày không biết xe trên do phạm tội mà có, hiện Ng V Th đã bỏ địa phương đi, không xác định được địa chỉ, do đó Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Ng Ch T phát biểu: Thống nhất với tội danh và điều luật của bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, nhưng về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được chấp hành hình phạt cải cạo không giam giữ do bị cáo là người chưa thành niên phạm tội, chỉ là đồng phạm trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị hại H V S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ng V Ph và người đại diện, chị Ph Th Đ vắng mặt không lý do nhưng sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến nội dung giải giuyết vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ theo quy định pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện bị cáo T đã có hành vi lén lúc, lợi dụng sơ hở của anh S trong việc quản lý tài sản để lấy trộm 01 xe mô tô trị giá 4.000.000 đồng, bị cáo Th đã có hành vi tiêu thụ tài sản do bị cáo T phạm tội mà có. Hành vi của 02 bị cáo đã đủ cơ sở cho Hội đồng xét xử kết luận bị cáo T phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Th phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015; đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của 02 bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ra T lý hoang mang, lo sợ của người dân tại nơi xảy ra tội phạm, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Dù tài sản bị chiếm đoạt là không lớn, nhưng đó là tài sản hợp pháp do công sức lao động khó nhọc mà có và mọi người dân đều có quyền được sống trong môi trường an toàn được pháp luật bảo vệ.

Bản thân 02 bị cáo là Th niên có sức khoẻ nhưng lại lười biếng lao động, nếu không xử lý nghiêm khắc thì không thể phát huy được tính răn đe của pháp luật và phòng chống tội phạm chung cho toàn xã hội.

Bị cáo Th là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và tiếp tay cho hành vi phạm tội của người khác nhưng vẫn cố tình phạm tội, ngoài hành vi phạm tội này bị cáo còn đang chấp hành hình phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản nên cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cũng như phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Bị cáo T là người chưa thành niên, chưa có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo biết ăn năn hối cãi, chỉ là đồng phạm với bị cáo Ph trong thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo cũng đã ý thức được hành vi phạm tội của mình nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đã đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Nhưng tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận có tụ tập băng nhóm và mục đích của việc trộm cắp tài sản là nhằm có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy cùng sử

dụng chung. Đặt biệt là trong thời gian gần đây xã hội xuất hiện nhiều Th niên trẻ, khỏe nhưng lười biếng lao động, thích tụ hợp băng nhóm, ăn chơi liêu lỏng, để có tiền tiêu xài phải đi trộm cắp, cướp giật tài sản của người khác và sử dụng trái phép chất gây nghiện dẫn đến gây mất trật tự an ninh, an toàn xã hội điển hình như bị cáo T, Th nên mặc dù không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhưng cũng cần phải có hình phạt nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cũng như răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội và quan trọng hơn là giúp cho bị cáo ý thức được hậu quả do hành vi trái pháp luật của mình gây ra.

[4] Về tính chất, mức độ, phương tiện, thủ đoạn phạm tội là tức thời và đơn giản, xuất phát từ sự lơi lỗng trong quản lý tài sản của chủ sở hữu.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét tại cơ quan điều tra và tại phiên toà 02 bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xét cho hai bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo nên cho 02 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: 02 bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Th có nhân thân xấu, bị cáo đang chấp hành hình phạt là 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 07/2019/HSST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[8] Về tang vật:

- Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả cho bị hại là phù hợp nên chấp nhận.

- Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cái điện thoại di động hiệu Itel it2120 màu đỏ đen, số Imei1: 355057093365808, số Imei2: 355057093365816 của bị cáo Th và 01 cái điện thoại di động hiệu Lv mobire LV7 màu đỏ đen, số Imei: 842016007068974 của bị cáo do đây là công cụ phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc trong khi thực hiện hành vi phạm tội.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ph Th Đ chưa có yêu cầu Ng V Th bồi thường số tiền 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[10] Đối với Ng V Ph, sinh ngày 12/5/2003 là đồng phạm với Ng Ch T trong vụ trộm cắp xe mô tô biển số 63B2-004.89, nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Ph chưa đủ 16 tuổi để chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự, do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[11] Đối với Ng V Đ, sinh ngày 25/11/2004 có hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Đ chưa đủ 16 tuổi để chịu trách nhiệm hình sự, do đó không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[12] Đối với Ph Th Đ có hành vi cầm chiếc xe mô tô biển số 63B2-004.89 do Ph và T phạm tội mà có, nhưng Đ không biết, nên không có căn cứ xử lý Đ về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[13] Đối với Ng V Th có hành vi cầm chiếc xe mô tô biển số 63B2-004.89 do Phát và T phạm tội mà có, nhưng Th trình bày không biết xe trên do phạm tội mà có, sau đó Ng V Th đã bỏ địa phương đi, không xác định được địa chỉ, do đó Cơ quan điều tra Công an huyện Cai Lậy tách ra tiếp tục điều tra để xác định có hay không đồng phạm trong vụ án này và sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Xét phát biểu của người bào chữa cho bị cáo T là có một phần cơ sở nhưng những căn cứ này đã được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc ở phần nhận định nêu trên nên đề nghị cho bị cáo T được chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[16] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ng Ch T phạm tội trộm cắp tài sản. Bị cáo B V Th (Th nhỏ) phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, 90, 91; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Ng Ch T 09 (chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang thường trú (UBND xã TL, huyện CL, tỉnh TG) giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 56, khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo B V Th 09 (chín) tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt với bản án 01 (một) năm tù số 07/2019/HSST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2018.

2. Về tang vật, áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu xung quỹ nhà nước 01 cái điện thoại di động hiệu Itel it2120 màu đỏ đen, số Imei1: 355057093365808, số Imei2: 355057093365816 và 01 cái điện thoại di động hiệu Lv mobire LV7 màu đỏ đen, số Imei: 842016007068974 (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không có kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong).

3. Về án phí: Bị cáo Ng Ch T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo B V Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo B V Th, bị cáo Ng Ch T, người đại diện theo pháp luật và người bào chữa cho bị cáo Ng Ch T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ng V Đ và người đại diện theo pháp luật, chị L Th L Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại H Th S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ng V Ph và người đại diện theo pháp luật, Ph Th Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt,

niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Trần Trọng Quang Võ Kế An Hà Văn Phúc